

## CẬP NHẬT KQKD 1Q2024

28/05/2024

KHUYẾN NGHỊ	GIỮ
Giá hợp lý	79,300
Giá hiện tại	73,600
Tiềm năng tăng/giảm	8%

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	224.45
Free float (%)	50%
Vốn hóa (tỷ VND)	16,429.97
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	1,112,717
Sở hữu nước ngoài (%)	30.91%
Ngày niêm yết đầu tiên	24/12/2007

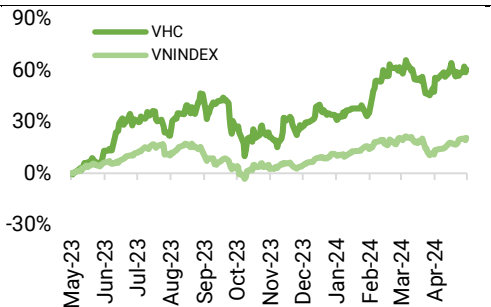
## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Trương Thị Lệ Khanh	42.31%
Lâm Mẫu Diệp	4.47%
PYN Fund Management	4.28%
Holberg Fondsforvaltning AS/Norway	3.14%
Khác	45.79%

## KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	3,812.27
BVPS (VND)	35,943
Nợ/VCSH (%)	45%
ROA (%)	6.98%
ROE (%)	10.37%
P/E	19.2
P/B	2.0
Tỷ suất cổ tức (%)	2.73%

## BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



## SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn (HSX: VHC) được thành lập năm 1997, hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến xuất khẩu cá tra, cá ba sa. VHC là công ty dẫn đầu ngành cá tra Việt Nam từ năm 2010 đến nay, chiếm thị phần 15% của toàn ngành. Sản phẩm của công ty có mặt tại các chuỗi bán lẻ danh tiếng như Walmart, Target, Trader Joe và Kroger.

## CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Dương Trung Hoa  
hoaduong@phs.vn

- Kết thúc 4T2024, VHC ghi nhận mức phục hồi tích cực với doanh thu thuần tăng 25.0% YoY đạt 3,901 tỷ đồng, hoàn thành 36.5% kế hoạch doanh thu năm 2024 đối với kịch bản cơ sở và đạt 102% so với dự báo của PHS.
- Chúng tôi cho rằng VHC sẽ tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong 2H2024 nhờ (1) thúc đẩy sản lượng xuất khẩu cá tra, hưởng lợi từ lệnh siết chặt từ Mỹ đối với nhập khẩu thủy sản được chế biến có nguồn gốc từ Nga và các quy định mới của EU áp thuế 13.7% từ mức 0% đối với cá minh thái và cá tuyết Nga, (2) kì vọng giá cá tra xuất khẩu Mỹ tăng nhẹ và (3) mức nền so sánh thấp trong 2H2023. Chúng tôi dự phóng VHC sẽ ghi nhận doanh thu thuần và LNST năm 2024F lần lượt là 11,426 tỷ đồng (13.8% YoY) và 1,117 tỷ đồng (+17.6% YoY).
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị **GIỮ** với giá hợp lý dành cho VHC là 79,300 VND/cổ phiếu, tương ứng mức tăng trưởng tiềm năng so với giá hiện tại là 8%.

## Cập nhật KQKD 4T2024

Kết thúc 4T2024, VHC ghi nhận mức phục hồi tích cực với doanh thu thuần tăng 25.0% YoY đạt 3,901 tỷ đồng, hoàn thành 36.5% kế hoạch doanh thu năm 2024 đối với kịch bản cơ sở và đạt 102% so với dự báo của PHS. Tính riêng 1Q2024, VHC ghi nhận doanh thu thuần và LNST lần lượt là 2,856 tỷ đồng (+29% YoY) và 189 tỷ đồng (-16% YoY).

Cá tra fillet xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của VHC với doanh thu tăng 15% YoY đạt 1,819 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 54% trên cơ cấu doanh thu. Theo ước tính của chúng tôi, mức tăng này được hỗ trợ chủ yếu từ tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ (+28% YoY), trong khi giá cá tra xuất khẩu trung bình cả nước đã giảm xuống mức 2.2 USD/kg (giảm 10% so với cùng kỳ năm ngoái).

## Điểm nhấn đầu tư

**(1) Kì vọng phục hồi mạnh mẽ từ xuất khẩu cá tra sang Mỹ:** Cá tra Việt Nam được kì vọng sẽ hưởng lợi khi xuất khẩu sang Mỹ trong 2024 và 2025 trong bối cảnh Mỹ siết chặt lệnh cấm nhập khẩu thủy sản chế biến có nguồn gốc từ Nga kể từ tháng 12/2023. Trong 1Q2024, sản lượng các loại cá fillet nhập khẩu vào Mỹ đã giảm 6% YoY, tuy nhiên, dòng cá tra fillet đông lạnh nhập khẩu vào Mỹ (HS code 030462) lại ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, với sản lượng đạt 21.5 triệu tấn (+34.6% YoY). Tính đến cuối tháng 4/2024, giá cá tra fillet xuất khẩu sang Mỹ cũng đang dần hồi phục, đạt 3.0 USD/kg (+20% so với cuối năm 2023) và được kì vọng sẽ tiếp tục tăng khi nhu cầu tiêu thụ dần cải thiện. VHC dự kiến sẽ hưởng lợi lớn khi Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu chính với tỷ trọng 29% trên cơ cấu doanh thu trong 4T2024.

**(2) Đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động:** Ngoài cá tra fillet, VHC đang có kế hoạch thúc đẩy năng lực phát triển ở mảng Collagen and Gelatin (C&G) và dòng tạp phẩm (miscellaneous), chiếm tỷ trọng trên cơ cấu doanh thu lần lượt là 8% và 17%. Đối với mảng Collagen and Gelatin, VHC đã nâng cấp thêm 1 dây chuyền sản xuất Gelatin đã đi vào hoạt động từ tháng 4/2024 và dự kiến tiếp tục mở rộng thêm công suất C&G thêm 50% trong năm nay. Song song với đó, VHC cũng đầu tư

thêm 1 dây chuyền sản xuất trái cây đông lạnh và 1 dây chuyền rau củ đông lạnh cho Thành Ngọc. Việc tận dụng tốt cơ hội từ các dòng sản phẩm khác như C&G, Sa Giang, sản phẩm rau củ quả, thức ăn chăn nuôi sẽ giúp VHC tạo được dòng tiền tốt trong bối cảnh xuất khẩu cá tra chịu nhiều biến động và phụ thuộc vào nhu cầu tại thị trường xuất khẩu.

**Bảng 1: Chỉ số tài chính**

	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	9,054	13,231	10,039	11,426	12,731
LNST (Tỷ VND)	1,107	2,013	950	1,117	1,329
Biên LN gộp (%)	19.4%	22.5%	14.4%	15.0%	16.8%
Biên LN ròng (%)	12.2%	15.2%	9.5%	9.8%	10.4%
ROA (%)	12.7%	17.4%	8.0%	8.7%	9.5%
ROE (%)	18.8%	26.2%	11.1%	11.7%	12.5%
Cổ tức (%)	20%	20%	20%	20%	20%

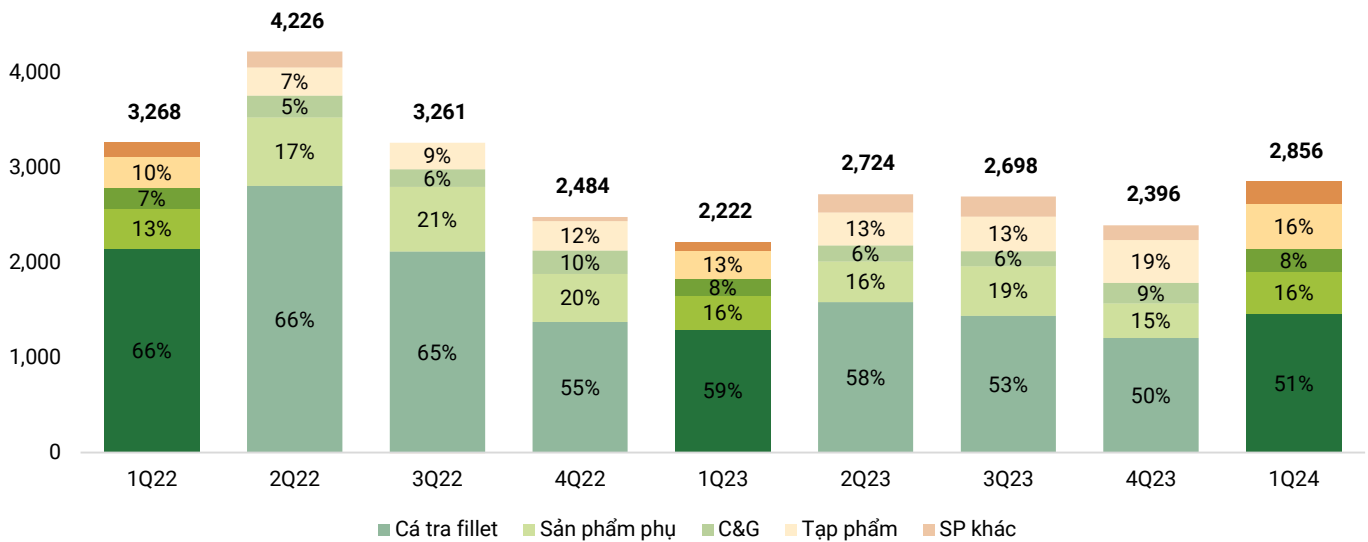
*Nguồn: PHS tổng hợp và dự phóng*

## Cập nhật KQKD 4T2024

Ngành cá tra Việt Nam đã ghi nhận sự phục hồi khá tốt trong 4T2024 với sản lượng xuất khẩu cá tra tăng 14.2% YoY đạt 270 nghìn tấn và trị giá tăng 2.4% YoY đạt 587 triệu USD. VHC là doanh nghiệp nổi bật trong ngành cũng ghi nhận mức phục hồi tích cực với doanh thu thuần trong 4T2024 tăng 25.0% YoY đạt 3,901 tỷ đồng, hoàn thành 36.5% kế hoạch doanh thu năm 2024 đối với kịch bản cơ sở và đạt 102% so với dự báo của PHS. Tính riêng 1Q2024, VHC ghi nhận doanh thu thuần và LNST lần lượt là 2,856 tỷ đồng (+29% YoY) và 189 tỷ đồng (-16% YoY).

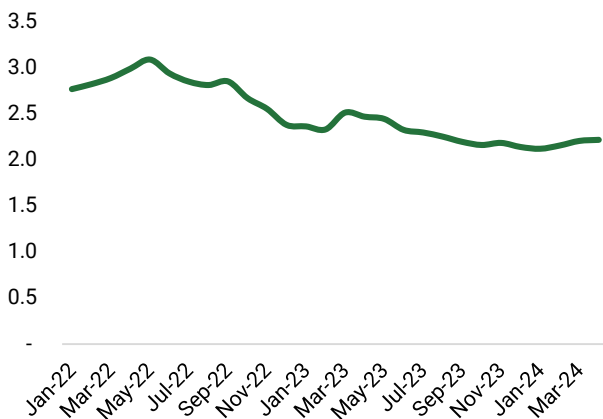
Tuy nhiên, biên lãi của các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra chịu áp lực tiêu cực khi giá bán bình quân cá tra liên tục sụt giảm chỉ còn khoảng 2.2 USD/kg trong khi giá cá tra nguyên liệu tăng nhẹ nhờ hoạt động xuất khẩu sôi động trở lại, cùng với áp lực từ chi phí vận chuyển tăng cao từ nửa cuối năm 2023 đến nay. Kết thúc 1Q2024, VHC ghi nhận biên lãi gộp giảm 800bps so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ đạt mức 9.3%.

**Hình 1: Tăng trưởng doanh thu VHC qua các quý (Tỷ đồng)**



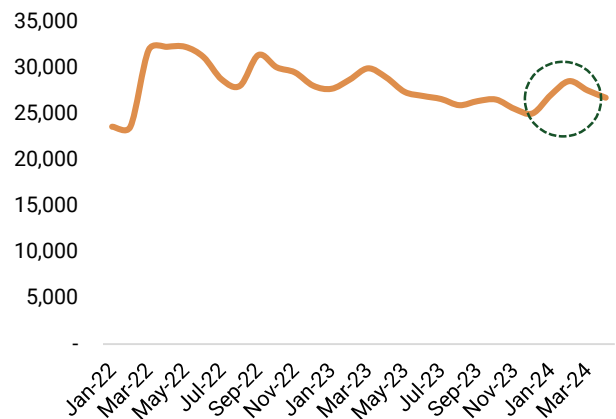
Nguồn: VHC, PHS tổng hợp

**Hình 2: Giá bán cá tra bình quân (USD/kg)**



Nguồn: Agromonitor, PHS tổng hợp và ước tính

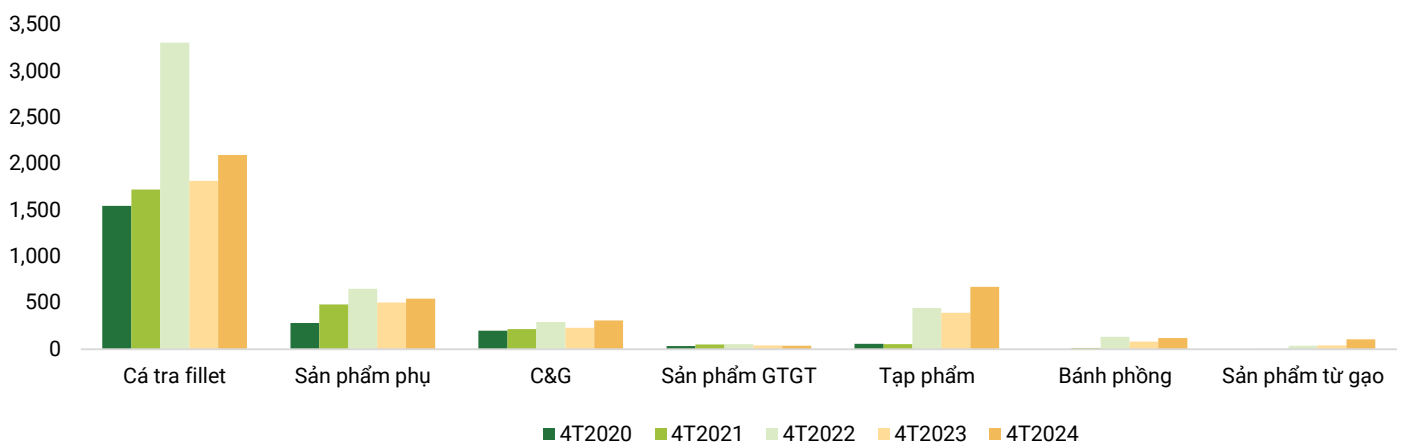
**Hình 3: Giá cá tra nguyên liệu (VND/kg)**



Nguồn: VHC, PHS tổng hợp và ước tính

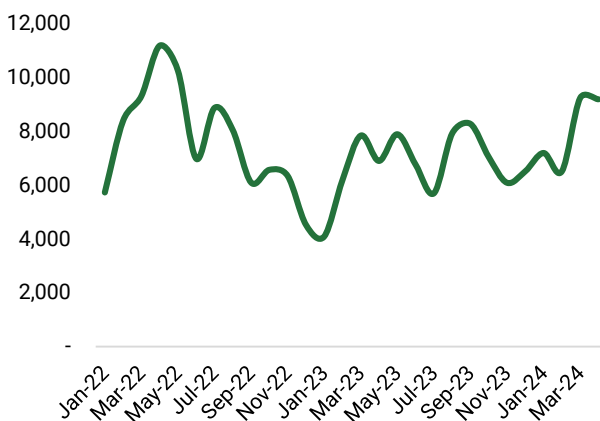
Trong 4T2024, hầu hết các nhóm sản phẩm của VHC đều ghi nhận tăng trưởng tích cực trên mức nền thấp của cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, cá tra fillet xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của VHC với doanh thu tăng 15% YoY đạt 1,819 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 54% trên cơ cấu doanh thu. Theo ước tính của chúng tôi, mức tăng của nhóm cá tra fillet được hỗ trợ chủ yếu từ tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ (+28% YoY), trong khi đó, giá cá tra xuất khẩu trung bình cả nước đã giảm xuống mức 2.2 USD/kg (giảm 10% so với cùng kỳ năm ngoái). Ngoài ra, các nhóm sản phẩm chăm sóc sức khỏe (C&G) và dòng tạp phẩm cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, lần lượt đạt 313 tỷ đồng (+34% YoY) và 675 tỷ đồng (70% YoY).

**Hình 4: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của VHC (Tỷ đồng)**



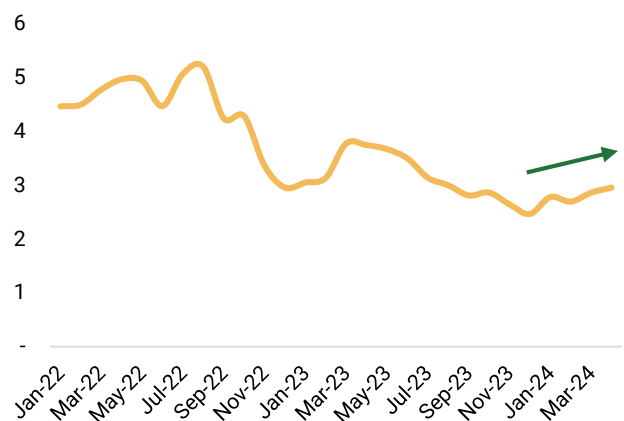
Nguồn: VHC, PHS tổng hợp

**Hình 5: Sản lượng cá tra xuất khẩu của VHC (tấn)**



Nguồn: PHS ước tính

**Hình 6: Giá cá tra xuất khẩu sang Mỹ (USD/kg)**

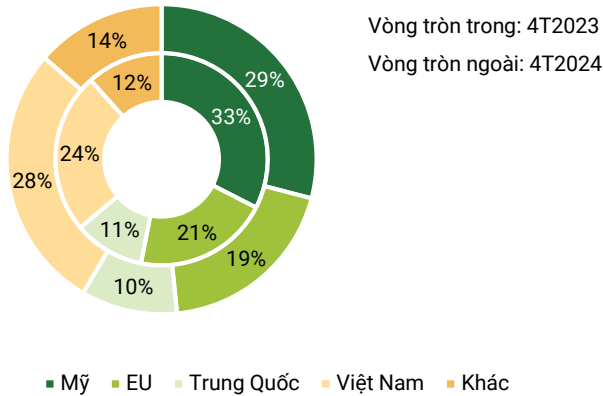


Nguồn: PHS ước tính

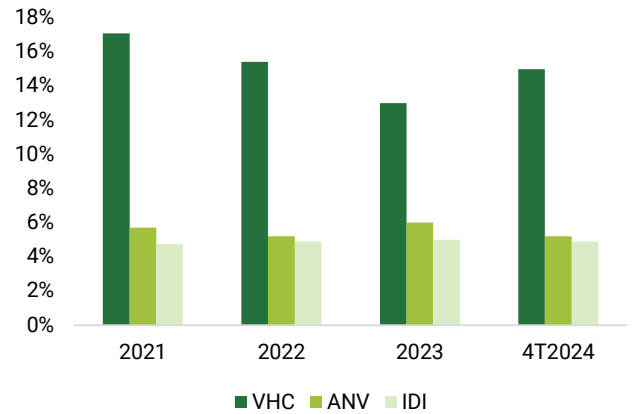
Về thị trường xuất khẩu, Mỹ, EU, Trung Quốc là 3 thị trường xuất khẩu chính của VHC với tỷ trọng trên cơ cấu doanh thu lần lượt là 29%, 19% và 10% trong 4T2024. Doanh thu xuất khẩu sang Mỹ liên tục tăng qua từng tháng và đã ghi nhận mức tăng trưởng dương trong 3 tháng liên tiếp. Giá cá tra xuất khẩu sang Mỹ dù vẫn thấp hơn mức cùng kỳ năm ngoái nhưng đã chứng kiến sự hồi phục nhẹ, đạt khoảng 3 USD/kg (+20% so với cuối năm

2023). Tiêu thụ tại Trung Quốc dù vẫn ghi nhận tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm ngoái (+17% YoY), nhưng đã quay đầu giảm kể từ tháng 3/2024 do áp lực giảm giá cá tra và cạnh tranh cao với các sản phẩm cá biển giá rẻ tại thị trường này. Doanh thu nội địa cũng là điểm sáng khi ghi nhận mức tăng trưởng 43% YoY đạt 1,089 tỷ đồng trong 4T2024 nhờ các hoạt động cho thuê kho bãi từ Vĩnh Phước, đóng góp từ Sa Giang và doanh thu từ thức ăn cho cá khi VHC vừa mới mở rộng thêm 1 dây chuyền thức ăn cho cá.

Ngoài ra, VHC vẫn tiếp tục giữ vững vị thế đầu ngành với thị phần xuất khẩu cá tra của công ty trên tổng giá trị xuất khẩu cá tra Việt Nam đã hồi phục nhẹ lên mức 15% vào 4T2024 và giữ khoảng cách khá xa so với doanh nghiệp đứng thứ 2.

**Hình 7: Cơ cấu doanh thu theo thị trường**


Nguồn: VHC, PHS tổng hợp

**Hình 8: Thị phần xuất khẩu của các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra**


Nguồn: VHC, PHS tổng hợp và ước tính

Ngoài ra, vào ngày 8/5, Bộ Thương mại Mỹ tiến hành đánh giá liệu Việt Nam có nên được công nhận là “nền kinh tế thị trường” hay không. Hiện nay, Việt Nam được xem là nền kinh tế phi thị trường, do đó các hàng hóa Việt Nam nhập khẩu vào Mỹ kém thuận lợi hơn so với các nước được xếp loại vào nền kinh tế thị trường. Ngành thủy sản Việt Nam nói chung được cho rằng sẽ hưởng lợi với kì vọng được giảm các loại thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp khi xuất khẩu sang Mỹ nhờ triển vọng đưa Việt Nam lên địa vị “nền kinh tế thị trường” của Bộ Thương mại Mỹ. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng VHC sẽ không được tác động nhiều đối với triển vọng này do VHC đã được hưởng mức thuế ưu đãi là 0% từ nhiều năm nay.

**Bảng 2: Biểu thuế Chống bán phá giá các doanh nghiệp niêm yết**

	Tỷ trọng xuất khẩu Mỹ	Mức thuế CBPG POR19 (USD/kg)
VHC	30%	0
ANV	< 1%	0
IDI	N/A	0.18

Nguồn: PHS tổng hợp

## Dự phóng KQKD 2024F

Chúng tôi cho rằng hoạt động xuất khẩu cá tra toàn ngành nói chung và VHC nói riêng sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong 2H2024 dựa trên:

(1) Lợi thế nghiêng về cá tra Việt Nam khi xuất khẩu sang Mỹ và EU trong bối cảnh Mỹ đang thực hiện lệnh cấm nhập khẩu thủy sản có nguồn gốc từ Nga, và EU áp dụng mức thuế 13.7% cho tất cả các sản phẩm cá minh thái fillet Nga thay vì mức 0% trước đó.

(2) Kỳ vọng giá cá tra xuất khẩu sang Mỹ tăng khi sản lượng tiêu thụ tăng.

(3) Mức nền so sánh thấp trong 2H2023.

Qua đó, chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ cá tra fillet của VHC sẽ tăng 11% YoY và giá bán cá tra bình quân đạt 3 USD/kg (+1% YoY). Với kỳ vọng tiêu thụ tăng tại Mỹ, chúng tôi cho rằng giá bán cá tra tại Mỹ sẽ phục hồi về mức trung bình khoảng 3.3 USD/kg (+4% YoY), tuy nhiên, giá bán cá tra tại Trung Quốc nhiều khả năng tiếp tục giảm về mức trung bình khoảng 1.9 USD/kg (-13% YoY) do áp lực cạnh tranh cao với cá minh thái Nga. Do đó, chúng tôi dự phóng VHC sẽ ghi nhận doanh thu thuần và LNST năm 2024F lần lượt là 11,426 tỷ đồng (13.8% YoY) và 1,117 tỷ đồng (+17.6% YoY).

Chúng tôi kỳ vọng biên lãi gộp của VHC sẽ được cải thiện vào 2H2024 với kỳ vọng (1) sản lượng tiêu thụ tăng, (2) giá bán cá tra xuất khẩu Mỹ tăng, (3) chi phí đầu vào giảm nhờ giá thức ăn chăn nuôi đang ở vùng thấp, (4) đẩy mạnh mảng C&G có biên gộp cao hơn. Do đó, chúng tôi ước tính biên lãi gộp của VHC sẽ tăng nhẹ 60 điểm cơ bản, đạt 15.0 % vào 2024F.

Cho năm 2025F, chúng tôi cho rằng VHC sẽ ghi nhận doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 12,731 tỷ đồng (+11.4% YoY) và 1,329 tỷ đồng (+19.0% YoY) khi nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường chính phục hồi mạnh mẽ.

## Định giá và khuyến nghị

Bằng phương pháp DCF và EV/EBITDA, chúng tôi ước tính giá hợp lý dành cho VHC là 79,300 VND/cổ phiếu. Do đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **Giữ** cho VHC với tiềm năng tăng trưởng so với giá hiện tại là 8%.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh thu thuần	9,054	13,231	10,039	11,426	12,731
Giá vốn hàng bán	(7,298)	(10,255)	(8,594)	(9,713)	(10,594)
Lợi nhuận gộp	1,756	2,976	1,445	1,713	2,138
Chi phí bán hàng	(344)	(349)	(217)	(247)	(339)
Chi phí QLDN	(213)	(372)	(300)	(341)	(380)
Lợi nhuận từ HĐKD	1,199	2,254	928	1,124	1,418
Lợi nhuận tài chính	89	64	149	170	115
Chi phí lãi vay	(35)	(97)	(133)	(152)	(214)
Lợi nhuận trước thuế	1,280	2,323	1,108	1,303	1,551
Lợi nhuận sau thuế	1,107	2,013	950	1,117	1,329
LNST của cổ đông Công ty ty mẹ	1,099	1,975	897	1,117	1,329
Cân đối kế toán	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
<b>Tài Sản Ngắn Hạn</b>	<b>5,543</b>	<b>7,640</b>	<b>7,751</b>	<b>8,546</b>	<b>9,344</b>
Tiền và tương đương tiền	195	553	238	271	302
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,272	1,768	2,068	2,398	2,672
Phải thu ngắn hạn	2,132	2,330	1,582	1,801	2,006
Hàng tồn kho	1,793	2,818	3,618	3,797	4,053
Tài sản ngắn hạn khác	150	172	245	279	311
<b>Tài Sản Dài Hạn</b>	<b>3,195</b>	<b>3,943</b>	<b>4,054</b>	<b>4,349</b>	<b>4,624</b>
Phải thu dài hạn	2	3	3	3	3
Tài sản cố định	2,067	2,824	3,380	3,749	4,069
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	561	566	163	80	26
Đầu tư tài chính dài hạn	66	66	67	77	85
Tài sản dài hạn khác	499	484	441	441	441
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>8,738</b>	<b>11,583</b>	<b>11,806</b>	<b>12,895</b>	<b>13,968</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>2,854</b>	<b>3,889</b>	<b>3,239</b>	<b>3,375</b>	<b>3,313</b>
Nợ ngắn hạn	2,680	3,698	3,118	3,254	3,193
Nợ dài hạn	174	191	121	121	121
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>5,884</b>	<b>7,694</b>	<b>8,567</b>	<b>9,520</b>	<b>10,655</b>
Vốn góp	1,834	1,834	1,870	1,870	1,870
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>8,738</b>	<b>11,583</b>	<b>11,806</b>	<b>12,895</b>	<b>13,968</b>

Lưu chuyển tiền tệ	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	332	1,604	464	1,121	1,445
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(843)	(1,528)	(680)	(759)	(736)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	665	284	(93)	(329)	(678)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	155	360	(309)	33	31
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	41	195	553	238	271
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	195	553	238	271	302
Chỉ số tài chính	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Tăng trưởng					
Doanh thu	28.7%	46.1%	-24.1%	13.8%	11.4%
Lợi nhuận sau thuế	53.8%	81.9%	-52.8%	17.6%	19.0%
Tổng tài sản	21.3%	32.6%	1.9%	9.2%	8.3%
Tổng vốn chủ sở hữu	13.7%	30.8%	11.3%	11.1%	11.9%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	19.4%	22.5%	14.4%	15.0%	16.8%
Tỷ suất EBIT	13.2%	17.0%	9.2%	9.8%	11.1%
Tỷ suất lãi ròng	12.2%	15.2%	9.5%	9.8%	10.4%
ROA	12.7%	17.4%	8.0%	8.7%	9.5%
ROE	18.8%	26.2%	11.1%	11.7%	12.5%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	85	64	57	57	57
Số ngày tồn kho	93	113	169	157	154
Số ngày phải trả	16	14	11	14	14
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	2.07	2.07	2.49	2.63	2.93
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.40	1.30	1.33	1.46	1.66
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.33	0.34	0.27	0.26	0.24
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.48	0.51	0.38	0.35	0.31
Vay ngắn hạn/VCSH	0.46	0.48	0.36	0.34	0.30
Vay dài hạn/VCSH	0.03	0.02	0.01	0.01	0.01

(Nguồn: PHS tổng hợp)



## Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trừ trách nhiệm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,  
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

**Fax:** (84-28) 5 413 5472

**Call Center:** (84-28) 5 413 5488

**Web:** www.phs.vn

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,  
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 5 413 5478

**Fax:** (+84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 3 535 6060

**Fax:** (+84-28) 3 535 2912

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,  
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận  
3, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 3 820 8068

**Fax:** (+84-28) 3 820 8206

### Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân  
Bình, Tp.HCM.

**Điện thoại:** (+84-28) 3 813 2401

**Fax:** (+84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,  
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Phone:** (+84-24) 6 250 9999

**Fax:** (+84-24) 6 250 6666

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận  
Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Phone:** (+84-24) 3 933 4566

**Fax:** (+84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,  
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

**Phone:** (+84-22) 384 1810

**Fax:** (+84-22) 384 1801